TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẨM PHẢ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 371/2019/QĐST-HNGĐ	*Cẩm Phả, ngày 08 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 417/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2019 giữa:

- Nguyên đơn: Anh T Q T**,** sinh năm: 1111

Nơi đăng ký HKTT: Thôn N L, xã T T, huyện T H, tỉnh T B.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 00, khu A2, phường C Ô, thành phố C P, tỉnh QN.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

- Bị đơn: Chị N T N, sinh năm: 2222

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở : Tổ 0, khu A2, phường C Ô, thành phố C P, tỉnh Q N.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh T Q T và chị N T N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T Q T và chị N T N cùng thống nhất thỏa

thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh T Q T và chị N T N có 02 (hai) con chung là T V A; sinh ngày 22/2/2222 và T P L sinh ngày 00/0/0000. Khi ly hôn chị N T N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung là T V A; sinh ngày 22/2/2222 và T P L sinh ngày 00/0/0000 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh T Q T có trách nhiệm cấp dưỡng cho con T V A là 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng; Cấp dưỡng cho con T P L là 3.000.000đ (ba triệu đồng)/tháng; Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 11/2019 cho đến khi cả hai con thành niên (đủ 18 tuổi). Anh T Q T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh T Q T và chị N T N thỏa thuận tự chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về công nợ chung: Không có.

- Về án phí: Anh T Q T tự nguyện chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng được trừ vào biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí số 0004819 ngày 01/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- KSND TP.Cẩm Phả;
- Chi cục THA TP.Cẩm Phả;
- UBND xã Tây Tiến,huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

THẨM PHÁN

Trương Thị Gái